

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25-01-2021

V/v “ly hôn, tranh chấp về
nuôi con chung”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Kha

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Duy Thị Anh Phương

2. Ông Phạm Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hòa- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Xuân Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 180/2020/TLST- HNGĐ về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2020/QĐXX-ST ngày 29 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ N – sinh năm 1996. Có mặt

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến T – sinh năm 1989

Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ N trình bày:

Chị Nguyễn Thị Mỹ N và anh Nguyễn Tiến T có tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2018 tại UBND xã P (nay là phường P). Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T

ghen tuông vô cớ nên xúc phạm danh dự nhân phẩm của chị. Đến đầu năm 2020 mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên đã sống ly thân. Hiện nay chị N không còn tình cảm gì với anh T nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị N và anh T có một người con chung tên Nguyễn Song An N –sinh ngày 08/05/2018. Hiện con chung đang sống với chị N, khi ly hôn chị N yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có

Trong quá trình giải quyết vụ án thì anh Nguyễn Tiến T được Tòa án tổng đạt thông báo và giấy triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến về việc chị N yêu cầu ly hôn.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng; bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ N có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Tiến T ở tổ dân phố B, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Anh Nguyễn Tiến T đã được Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ N và anh Nguyễn Tiến T có đăng ký kết hôn vào năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã P (nay là phường P). Căn cứ vào Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì hôn nhân giữa chị N và anh T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn thì vợ chồng anh chị sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T ghen tuông từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Chị N đã nhiều lần cố hàn

gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng anh T vẫn không thay đổi bản thân. Từ đầu năm 2020 đến nay vợ chồng anh chị đã sống ly thân, mỗi người sống một nơi. Mặc dù anh T không có ý kiến gởi cho Tòa án nhưng qua xác minh bà Nguyễn Thị T (mẹ của anh T) cho biết trong cuộc sống vợ chồng anh T, chị N thường xảy ra mâu thuẫn và hiện nay đã sống ly thân. Qua xác minh tại phụ nữ phường P thì hiện vợ chồng chị N và anh T đã sống ly thân. Điều đó chứng tỏ rằng hôn nhân giữa chị N và anh T đang lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chị N yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ N và anh Nguyễn Tiến T có một người con chung tên Nguyễn Song An N – sinh ngày 08/05/2018. Hiện con chung đang sống với chị N, khi ly hôn chị N yêu cầu nuôi con chung. Xét yêu cầu nuôi con chung của chị N. Hội đồng xét xử thấy rằng hiện con chung dưới 36 tháng tuổi. Vì vậy căn cứ Điều 83 Luật hôn nhân gia đình giao con chung cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Chị N không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên miễn xét.

[2.3] Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Nguyễn Thị Mỹ N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn nhưng được khấu trừ 300.000 đồng chị N đã nộp tại biên lai số AA/2018/0004696 ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ N

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Mỹ N được ly hôn với anh Nguyễn Tiến T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Song An N –sinh ngày 08/05/2018 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị N không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên miễn xét.

Anh Nguyễn Tiến T có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được quyền cản trở.

Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014

3. Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về nợ chung: Không có

5. Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Nguyễn Thị Mỹ N phải chịu 300.000 đồng ly hôn nhưng được khấu trừ 300.000 đồng chị N đã nộp tại biên lai số AA/2018/0004696 ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi .

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Mỹ N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Tiến T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TX.Đức Phổ;
- Chi cục THADS TX.Đức Phổ;
- UBND phường P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Kha